| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày: 11/10/2018
*"V/v Tranh chấp hụi"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Đang.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Ái Nguyên.**
2. Bà **Ngô Thị Như Ý.**

***Thư ký Tòa án:*** Ông **Tạ Văn Cung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long***: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 và 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2018/TLST – DS ngày 09 tháng 5 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018, Quyết hoãn phiên tòa số 189/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 23/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Th L - sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

*Bị đơn:* Bà Lâm Th X **(**Xe**)** - sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Văn Ch - sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch*: Chị **Trương Thị M L** (Theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2018).

Ông Hồ Văn H - sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà L và bà Xe có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà L trình bày và yêu cầu: Bà L có dùng tài sản chung của bà và chồng bà là ông H tham gia chơi hụi do bà Xe làm chủ, hụi chưa mãn thì bà Xe tuyên bố úp. Bà L yêu cầu bà Xe và chồng bà Xe là ông Ch trả cho bà L và ông H số tiền nợ hụi thực tế mà bà L đóng là 58.040.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015 âm lịch đến khi trả xong tiền nợ hụi.

* Bị đơn bà Xe xác định: Bà Xe thùa nhận lời trình bày của bà L và thống nhất số tiền hụi mà bà L đóng thực tế là 58.040.000đ, bà Xe cho rằng bà Xe với bà L và bà Lu gật nợ hụi qua lại với nhau xong nên bà Xe không đồng ý trả nợ cho bà L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H thống nhất yêu cầu của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Ch vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

*** Tại phiên tòa:**

- Bà L xác định chấm dứt ủy quyền cho chị Hồ Th Th, bà L tự tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Bà Xe xác định chấm dứt ủy quyền cho chị Trương Thị M L, bà Xe tự tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Bà L xác định trước khi mở phiên tòa bà L và bà Xe đã thỏa thuận được với nhau về nợ hụi, cụ thể: Tính đến ngày 11 tháng 10 năm 2018 bà Xe nợ tiền hụi bà L gốc 52.040.000đ và tiền lãi là 14.665.000đ, tổng là 66.705.000đ; em bà L là bà Lu nợ bà Xe nợ hụi gốc 18.580.000đ và lãi suất 12.948.000đ; bà L đồng ý trả thay bà Lu số tiền 31.528.000đ cho bà Xe. Bà L chỉ yêu cầu bà Xe trả số tiền 33.460.000đ và thay đổi yêu cầu về là suất là chỉ yêu cầu số tiền lãi đến ngày xét xử là 1.717.000đ. Bà L rút phần yêu cầu còn lại về nợ gốc là 24.580.000đ đối với vợ chồng bà Xe.

- Bà Xe đồng ý trình bày và đồng ý đề nghị thỏa thuận này của bà L.

- Ông H vắng mặt không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của ông Ch vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận bà L rút một phần yêu cầu về nợ gốc và thay đổi yêu cầu về tiền lãi. Đình chỉ phần yêu cầu của bà L đối với số tiền nợ gốc 24.580.000đ; Buộc bà Xe và ông Ch trả cho bà L và ông H số tiền nợ gốc là 33.460.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.717.000đ .

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Bà L và bà Xe thống nhất đến ngày 11 tháng 10 năm 2018 vợ chồng bà Xe còn nợ hụi vợ chồng bà L số tiền nợ gốc là 33.460.000đ và tiền lãi là 1.717.000đ.

- Bà L rút phần yêu cầu về nợ gốc với số tiền 24.580.000đ đối với bà Xe và ông Ch, đồng thời thay đổi yêu cầu về lãi suất và xác định lãi suất đến ngày 11 tháng 10 năm 2018 là 1.717.000đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Bà Phạm Th L khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị Xe và ông Lê Văn Ch trả tiền nợ hụi, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Ông H có đơn yêu cầu vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của ông Ch và ông Ch đã được triệu tập hợp L nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, chị Linh và ông Ch theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Th L:

- Về số tiền nợ hụi: Tại phiên tòa sơ thẩm bà L và bà Xe đã thỏa thuận với nhau và đã thống nhất được số tiền nợ hụi gốc là 33.460.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.717.000đ. Sự tự thỏa thuận và thống nhất của đương sự không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Do từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Ch đã được triệu tập hợp L theo quy định của pháp luật, nhưng ông Ch không có mặt tại Tòa án; người đại diện theo ủy quyền của ông Ch cũng được triệu tập hợp L, nhung không có mặt tại phiên tòa; cả ông Ch và người đại diện theo ủy quyền của ông Ch đều không có nộp bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến phản đối yêu cầu của bà L. Mặt khác, giao dịch hụi giữa bà L và bà Xe được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà Xe và ông Ch, bà Xe xác định ông Ch biết việc bà Xe làm chủ hụi nhưng không có ý kiến phản đối. Đồng thời bà Xe còn xác định lợi nhuận từ giao dịch hụi của bà Xe

với bà L cùng với các hụi viên khác, được bà Xe dùng sử dụng chung trong gia đình của bà Xe và ông Ch. Từ đó có đủ căn cứ xác định đây là nợ chung của ông Ch và bà Xe, nên buộc bà Xe và ông Ch có nghĩa vụ trả cho bà L và ông H số tiền nợ hụi 35.177.000đ.

- Xét yêu cầu tính tiền lãi chậm trả nợ của bà L: Theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của bà L đối với bà Xe và ông Ch, lãi suất phát sinh được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu còn lại của bà Phạm Th L về nợ gốc và thay đổi yêu cầu về tiền lãi của bà Phạm Th L, buộc bà Lâm Thị Xe và ông Lê Văn Ch trả cho bà Phạm Th L và ông Hồ Văn H số tiền nợ hụi là 35.177.000đ, ngoài ra bà Xe và ông Ch còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đình chỉ phần yêu của bà L đối với số tiền nợ gốc là 24.580.000đ.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do L được chấp nhận yêu cầu nên bà L không phải chịu án phí và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc bà Xe và ông Ch phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.759.000đ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

# QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1**. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại về nợ gốc và thay đổi yêu cầu về tiền lãi của bà Phạm Th L, buộc bà Lâm Thị X và ông Lê Văn Ch trả cho bà Phạm Th L và ông Hồ Văn H số tiền nợ hụi là 35.177.000đ.

2. Đình chỉ phần yêu cầu của bà Phạm Th L đối với bà Xe và ông Ch đối với số tiền 24.580.000đ.

**3.** Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Phạm Th L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số: 0011685 ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long với số tiền 1.451.000đ.

- Buộc bà Lâm Thị X và ông Lê Văn Ch phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.759.000đ.

"*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự*".

*"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Đang**

**Nơi nhận**
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADs cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.